

Số: 487/GDDT-CNTT
Về triển khai thực hiện chuyển đổi số theo
Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT và App
tương tác các tính năng Trường học số

Cử Chi, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, TH-THCS Tân Trung;
- Chủ các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo độc lập.

Căn cứ Kế hoạch số 758/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thực hiện Chủ đề công tác năm 2024: “Quyết tâm thực hiện Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi về tổ chức thực hiện Chủ đề công tác năm 2024: “Quyết tâm thực hiện Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”; của huyện Cử Chi

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị thủ trưởng các cơ sở giáo dục trên địa bàn Huyện triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. 100% các cơ sở giáo dục phối hợp với đơn vị triển khai “Xây dựng Hệ thống báo cáo thực thi chuyển đổi số cho Ngành Giáo dục và Đào tạo và Nền tảng quản lý trực liên thông cho Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo”.
2. Chọn đơn vị phối hợp triển khai đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo. Thông qua đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có thể theo dõi Hệ thống báo cáo thực thi chuyển đổi số cho Ngành Giáo dục và Đào tạo và Nền tảng quản lý trực liên thông cho Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo.
3. Thời gian triển khai thực hiện: từ ngày 25/3/2024 đến ngày 25/4/2024.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTMén.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Kim Văn Minh

UBND HUYỆN CÚ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường	30	Tối đa 6 điểm Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm	Đường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		

	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5, điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm;		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 - 50 điểm Mức độ 3: trên 50	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 - 18 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm		

¹ Mức độ 1 (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. Mức độ 2 (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2 - 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh

được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

UBND HUYỆN CỬ CHI
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh sách tính năng đáp ứng cho trường học số

STT	Tiêu chí	Tên tính năng	Mô tả
1	Cơ sở vật chất số	Quản lý cơ sở vật chất	Số hóa toàn bộ thông tin của các thiết bị trường học: Mua sắm, sử dụng, bảo quản, thanh lý: 1. Quản lý tình trạng sử dụng của các thiết bị dạy học 2. Quy trình nhập, giám sát, thu hồi, cập nhật tình trạng trang thiết bị nhà trường 3. Hệ thống báo cáo quản lý cơ sở vật chất
1	Con người số	Đăng ký nghỉ học	1. PHHS/ GV/ Nhà trường tạo đăng ký nghỉ học 2. GV, Nhà trường xác nhận đăng ký nghỉ học 3. Tích hợp đăng ký nghỉ bus, bán trú ăn, CLB khi đăng ký nghỉ học
2		Điểm danh	1. Tích hợp dữ liệu điểm danh từ hệ thống QLNT (SMAS,...) 2. Đang làm giải pháp điểm danh qua thiết bị
3		Thông tin học tập	1. Tích hợp bài tập , kết quả học tập từ hệ thống. 2. Đang làm giải pháp phân tích gợi ý bài tập cho học sinh theo năng lực và thông tin cho PHHS
4		Liên lạc	1. Nhà trường có thể tạo các nhóm liên lạc theo từng lớp/ Khối/ nhóm đối tượng/ cá nhân cụ thể 2. PHHS có thể trao đổi liên lạc với GV, 3. PHHS có thể gửi hỏi đáp thắc mắc 4. Nhà trường sẽ tổ chức trả lời hỏi đáp, câu hỏi thường gặp
5		Y tế học đường	1. Quản lý sức khỏe hàng ngày của học sinh tại trường 2. Quản lý hồ sơ sức khỏe của học sinh, Cán bộ: Thông tin tiêm chủng, BHYT, tình trạng bệnh, hồ sơ kết quả khám sức khỏe của từng đợt khám 3. Quản lý thuốc, thiết bị y tế học đường 4. Quản lý vệ sinh học đường: sổ kiểm thực, theo dõi vệ sinh học đường ...
6		Bán trú	1. Quản lý kế hoạch tổ chức bán trú (tổ chức bữa ăn, học phí bán trú, thời gian đăng ký bán trú, đối tượng tham gia, tổ chức lớp bán trú,...) 2. PHHS đăng ký bán trú cho học sinh; theo dõi hoạt động lớp bán trú của học sinh 3. PHHS đăng ký hủy ăn bán trú theo ngày 4. PHHS xem thực đơn ngày, tuần, tháng
7		CLB	1. Quản lý kế hoạch tổ chức CLB/ Lớp CLB (tổ chức CLB, sắp xếp lớp, ...) 2. PHHS đăng ký CLB/ hủy lớp cho học sinh có xét mức độ ưu tiên chọn lớp CLB 3. PHHS đăng ký nghỉ học CLB 4. GV phụ trách CLB có thể ghi nhận đánh giá, giao bài tập, chấm điểm cho các bài tập tại các lớp CLB 5. PHHS có thể xem toàn bộ thông tin lớp CLB của con tham gia: Danh sách lớp, thông tin hoạt động, bài tập, kết quả, đánh giá nhận xét của GV
8		Bus học đường	1. Quản lý kế hoạch tổ chức Bus học đường (quản lý xe, cô giám sát xe, tuyến đường, phí dịch vụ ,...) 2. PHHS đăng ký Bus/ hủy đăng ký bus cho học sinh

			3. PHHS đăng ký bus theo ngày 4. GV phụ trách xe sẽ heo dõi cập nhật tình trạng đưa đón học sinh(đón, trả, ko liên lạc dc, gặp sự cố...) 5. GV phụ trách xe và PHHS có thể trao đổi liên lạc qua app 6. PHHS có thể xem toàn bộ tình trạng đưa đón trả học sinh
9		Quản lý tài khoản online học sinh	1. Nhà trường quản lý thông tin các loại tài khoản online cấp cho học sinh. 2. PHHS có thể xem thông tin các loại tài khoản online của học sinh và có thể truy cập vào link tài khoản
1	Nội dung số	Thông tin học tập	1. PHHS xem các thông tin học tập của học sinh: TKB, báo bài, kết quả học tập năm học hiện tại, kết quả quá trình học tập, vi phạm, khen thưởng kỉ luật, thông tin học sinh, Thi cử,... 2. PHHS có thể xem nội dung bài tập về nhà. 3. Giáo viên có công cụ gửi bài tập về nhà theo nhóm học sinh, lớp, khối
2		Khảo sát	1. Nhà trường có thể tạo các chiến dịch nội dung khảo sát khác nhau với các mục đích khác nhau 2. PHHS, GV, Nhà trường có thực hiện khảo sát trên web/ app 3. Nhà trường có thể xuất các báo cáo thống kê khảo sát
3		Bảng tin/ Tin tức	1. Có trang cho Phòng /Sở cập nhật thông tin , bảng tin tin tức cho nhà trường, phòng , sở 2. Nhà trường/ PHHS sẽ xem được các thông tin , tin tức từ Phòng/ Sở/ Nhà trường post 3. Nhà trường/ GV có thể post và bảng tin và tin tức liên quan tới các hoạt động hàng ngày của các con tại trường để PHHS có thể nắm được tình hình của con realtime
4		Sự kiện	1. Phòng/ Sở có thể tạo các sự kiện. Nhà trường và PHHS có thể xem dc các thông tin sự kiện do Phòng/ Sở tạo 2. Nhà trường có thể tạo các sự kiện của nhà trường và PHHS cũng có thể xem được các thông tin sự kiện do Phòng Sở tạo
5		Website liên kết	1. Nhà trường có thể cấu hình các website liên kết cho hệ thống nhà trường 2. PHHS có thể truy cập vào các website liên kết trên app
6		Kho ứng dụng	PHHS có thể vào kho ứng dụng để vào các ứng dụng trong hệ sinh thái giáo dục
7		Hồ sơ học bạ	PHHS có thể xem thông tin học bạ của học sinh
8		Thanh toán không tiền mặt	1. Nhà trường quản lý các khoản thu của học sinh 2. PHHS thực hiện thanh toán các khoản thu qua Chuyển khoản QR code 3. Nhà trường thực hiện đối soát tự động/ thủ công danh sách phiếu thu
9		Khung dinh dưỡng	1. Nhà trường quản lý danh sách thực phẩm, xây dựng khung dinh dưỡng và thiết lập thực đơn đáp ứng đúng khung dinh dưỡng của BYT 2. Từ khung dinh dưỡng, có thể tính dc số tiền 1 suất ăn để giúp cho nhà trường lên phí bán trú phù hợp 3. Xây dựng các báo cáo theo khung dinh dưỡng
10		Cổng tuyển sinh	Hỏi đáp, nhận tin tuyển sinh (đang tích hợp với TSDC)